

ĐÔ THỊ HÓA VÀ MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐÔ THỊ BÌNH DƯƠNG

NGUYỄN QUANG GIẢI*

Sử dụng nguồn dữ liệu thứ cấp cùng với những quan sát từ thực tiễn đô thị hóa ở tỉnh Bình Dương, bài viết đi sâu phân tích, so sánh tiến trình đô thị hóa ở Bình Dương thông qua các chỉ báo về mức độ đô thị hóa; sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế, lao động và thu nhập của cư dân Bình Dương, đặc biệt trong những năm gần đây. Trên cơ sở đó gợi mở mô hình phát triển bền vững đô thị ở tỉnh Bình Dương, đó là mô hình kết hợp hài hòa giữa Đô thị nén - Chùm đô thị và Đô thị vệ tinh.

Từ khóa: mô hình phát triển đô thị, mức độ đô thị hóa, phát triển đô thị bền vững, Bình Dương

Nhận bài ngày: 23/7/2018; đưa vào biên tập: 25/7/2018; phản biện: 8/8/2018; duyệt đăng: 25/10/2018

1. DẪN NHẬP

Khi thế giới ngày càng đô thị hóa nhanh, việc đảm bảo tính bền vững cho các đô thị đang trở thành mối quan tâm toàn cầu. Hơn một nửa dân số thế giới hiện đang sống ở đô thị (54,5%, 2016), tăng 30% kể từ năm 1950. Dự báo dân số đô thị thế giới đạt khoảng 70% vào năm 2050. Dân số đô thị toàn cầu dự kiến sẽ tăng thêm 2,5 tỷ người từ năm 2014 đến năm 2050, với gần 90% sự gia tăng tập trung ở Châu Á và Châu Phi - những nước đang phát triển và có nền kinh tế mới nổi (United Nations, 2015: 2-4). Đô thị đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển bền vững vì chúng tạo ra 70% GDP toàn cầu, nhưng

cũng tiêu thụ gần 2/3 năng lượng của thế giới, và chiếm hơn 70% lượng phát thải khí nhà kính toàn cầu (World Bank, 2018). Do vậy, cần có những giải pháp quản trị đô thị thông minh hơn trong xu hướng đô thị hóa nhanh hiện nay. Tuy nhiên, hầu hết các đô thị không có chiến lược tại chỗ để thích nghi với sự gia tăng dân số không thể tránh khỏi. Nhiều đô thị đã và đang bị mở rộng vượt quá khả năng đáp ứng của cơ sở hạ tầng, làm giảm chất lượng sống của cư dân. Do vậy, nỗ lực phát triển đô thị bền vững là mục tiêu, xu hướng vươn đến của thế giới (Colldahl và cộng sự, 2013). Việt Nam nói chung và tỉnh Bình Dương nói riêng chính là một trường hợp thực tiễn rõ nét của tiến trình đô thị hóa thiếu kiểm soát này.

* Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Theo dõi quá trình đô thị hóa⁽¹⁾ ở tỉnh Bình Dương, đặc biệt trong khoảng một thập kỷ gần đây, có thể thấy tốc độ đô thị hóa nơi đây diễn ra ngày càng nhanh, góp phần quan trọng nâng cao đời sống kinh tế - xã hội của tỉnh, song cũng đặt ra hàng loạt vấn đề như dân số cơ học tăng mạnh và phân bố không đồng đều; hạ tầng kỹ thuật và xã hội đô thị chưa đáp ứng; bắt đầu xuất hiện các căn bệnh đô thị như ách tắc giao thông; ô nhiễm môi trường, quá tải về y tế, giáo dục. “Bệnh to đầu” của đô thị đã, đang và sẽ là bài toán khó đặt ra cho tỉnh Bình Dương. Để đô thị của Bình Dương có thể phát triển bền vững, thì trong chiến lược xây dựng và phát triển đô thị, tỉnh Bình Dương cần quan tâm đến mô hình đô thị phù hợp với đặc điểm riêng của tỉnh.

2. ĐÔ THỊ HÓA Ở BÌNH DƯƠNG GIAI ĐOẠN 2005-2016

2.1. Đặc điểm đô thị hóa ở Bình Dương

Tỉnh Bình Dương thuộc miền Đông Nam Bộ, nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và Vùng đô thị TPHCM⁽²⁾. Phía đông giáp tỉnh Đồng Nai, bắc giáp tỉnh Bình Phước, tây giáp tỉnh Tây Ninh và một phần TPHCM, nam giáp TPHCM và một phần tỉnh Đồng Nai. Bình Dương có diện tích tự

nhiên 2.694,43km², chiếm khoảng 0,83% diện tích cả nước, khoảng 12% diện tích miền Đông Nam Bộ; gồm 9 đơn vị hành chính trực thuộc⁽³⁾ (Tổng cục Thống kê, 2016).

Bình Dương là địa phương có mức độ *đô thị hóa* khá mạnh mẽ. Cụ thể, trong thập niên 1990, mức độ đô thị hóa Bình Dương vào khoảng 20%, đến thập niên đầu của thế kỷ XXI đã tăng lên khoảng 39% (Đình Lý, 2016) và kể từ năm 2011 trở về sau, mức độ đô thị hóa đạt khoảng từ 64% đến 77%⁽⁴⁾ (xem Bảng 1).

So sánh mức độ đô thị hóa ở Bình Dương với cả nước cũng như một số đô thị lớn ở Nam Bộ (TPHCM và thành phố Cần Thơ) giai đoạn 2005-2016 sẽ nhận ra một số điểm sau: 1/

Bảng 1. Mức độ đô thị hóa của Bình Dương so với cả nước, TPHCM và Cần Thơ (đơn vị: %)

Năm	Mức độ đô thị hóa			
	Cả nước	TPHCM	Tỉnh Bình Dương	Thành phố Cần Thơ
2005	27,10	82,56	30,09	49,93
2006	27,66	83,44	42,99	50,40
2007	28,19	83,57	42,84	51,89
2008	28,98	83,72	42,87	52,12
2009	29,63	83,23	42,73	65,80
2010	29,92	83,25	31,66	65,92
2011	30,60	83,11	64,10	66,10
2012	31,84	82,33	64,81	66,32
2013	32,18	82,49	64,50	66,45
2014	33,10	82,12	76,79	66,70
2015	33,87	82,02	76,96	66,74
2016	34,51	81,24	76,51	66,89

Nguồn: Nguyễn Quang Giải, 2016; *Niên giám thống kê Việt Nam* 2015, 2016; *Niên giám thống kê Bình Dương* 2016.

trên phạm vi cả nước, mức độ đô thị hóa của Việt Nam tăng dần theo thời gian, tuy nhiên mức tăng không cao; 2/ mức độ đô thị hóa ở Bình Dương, TPHCM và thành phố Cần Thơ đều cao hơn so với cả nước; 3/ tại Bình Dương, mức độ đô thị hóa diễn ra không đồng đều (về không gian và thời gian), tuy nhiên so với TPHCM và thành phố Cần Thơ, mức độ đô thị hóa nơi đây có những chuyển biến ngoạn mục kể từ sau năm 2010 (xem Bảng 1).

Nếu phân chia quá trình đô thị hóa Bình Dương từ năm 2005 đến 2016 thành hai giai đoạn 2005-2010 và 2011-2016, sẽ phát hiện một điểm đáng quan tâm là mức độ đô thị hóa giai đoạn 2011-2016 tăng gần gấp đôi (1,9 lần; 60,11% so với 31,72%) so với giai đoạn 5 năm trước đó (2005-2010). Nguyên nhân chính dẫn đến sự khác biệt về mức độ đô thị hóa giữa hai giai đoạn này là do có sự biến động về dịch cư tại chỗ; việc đô thị hóa lan tỏa; việc sáp nhập một số vùng nông thôn vào khu vực đô thị, từ đơn vị huyện - xã sang thị đơn vị thị xã - phường⁽⁵⁾ (Nghị Quyết số 11/NQ-CP, năm 2012 và Nghị Quyết số 136/NQ-CP, năm 2013); và đặc biệt là sự phát triển các khu công nghiệp đã thu hút nhiều lao động nhập cư vào đô thị (Nguyễn Thị Hoài Phương, 2017: 121). Bình Dương là tỉnh có sự tập trung rất cao các khu, cụm công nghiệp, nguồn cung lao động trong tỉnh không thể đáp ứng nổi, vì vậy nhu cầu lao động nhập cư tại Bình Dương

rất cao (Tổng cục Thống kê, 2011: 95). Kết quả, Bình Dương là một trường hợp rất đặc biệt với hơn 1/3 dân số là người nhập cư từ các tỉnh khác (Tổng cục Thống kê, 2011: 40). Đây là điểm khác biệt trong mô hình di cư giữa Bình Dương so với một số địa phương trong khu vực nói riêng và cả nước nói chung⁽⁶⁾ (Tổng cục Thống kê, 2011: 101).

Số liệu cũng cho thấy trong vòng hơn 1 thập kỷ trở lại đây (2005-2016), mức độ đô thị hóa Bình Dương và Cần Thơ tăng theo thời gian trong khi tỷ lệ này đã “bão hòa” đối với TPHCM. Đáng chú ý hơn xuất phát điểm của đô thị hóa ở Bình Dương khá thấp nhưng mức tăng rất cao. Kết luận này có thể kiểm chứng thêm qua số liệu về tỷ suất nhập cư⁽⁷⁾ (xem Bảng 2). Cụ thể, tỷ suất nhập cư ở Bình Dương giai đoạn 2005-2016, bình quân 56,21%/năm; trong khi tại TPHCM tỷ lệ này chỉ đạt 15,51%/năm; và thành phố Cần Thơ là 6,13%/năm. Cũng cần lưu ý thêm rằng làn sóng nhập cư vào Bình Dương hiện nay vẫn tiếp tục gia tăng.

Kết quả Bảng 2 cũng chỉ ra có sự biến động rất lớn về tỷ suất nhập cư giữa các năm và giữa các địa bàn nghiên cứu. Nếu so sánh tỷ suất nhập cư năm 2010 với 5 năm trở về trước (2005) thì tỷ suất nhập cư ở cả ba địa bàn đều tăng. Tuy nhiên, hai năm tiếp theo (2011-2012) lại giảm (ngoại trừ Cần Thơ). Nhưng những năm sau đó, từ 2013-2016 tỷ lệ này có sự biến động mạnh và khác biệt giữa các địa bàn.

Bảng 2. Tỷ suất nhập cư phân theo địa bàn 2005-2016 (đơn vị: ‰)

Năm	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016
TPHCM	19,1	26,2	25,0	14,8	16,5	16,9	10,4	10,7
Bình Dương	27,2	89,6	64,8	59,1	54,5	70,2	52,0	32,3
Thành phố Cần Thơ	5,1	9,8	6,9	8,9	9,6	8,2	3,1	3,6
Đông Nam Bộ	10,3	24,8	23,4	15,5	15,7	18,5	12,8	10,8

Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam, 2016.

Theo số liệu *Niên giám thống kê Bình Dương 2016*, năm này dân số Bình Dương đạt 2.014.500 người; nam chiếm 48,29%, nữ 51,71%, mật độ dân số 747 người/km² (Cục Thống kê Bình Dương 2016). So với lúc tái lập tỉnh (năm 1997) dân số hiện nay đã tăng gần 3 lần. Trong đó, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên qua các thời kỳ có xu hướng giảm dần, trong khi mức tăng cơ học diễn ra mạnh mẽ. Bình quân tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của Bình Dương giai đoạn 2011-2016 khoảng 0,89%/năm⁽⁸⁾. Trong khi đó, nhìn ngược lại, theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm 01/4/2009, trong vòng 10 năm, 1999-2009, bình quân dân số của tỉnh tăng 7,3%/năm⁽⁹⁾. Và theo kết quả điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ thời điểm 01/4/2014, giai đoạn 5 năm, 2009-2014, tốc độ dân số bình quân trên địa bàn tỉnh tăng 4,61%/năm; và mức tăng này không đồng đều khi xem xét từng khu vực. Cụ thể mức tăng bình quân thành phố Thủ Dầu Một là 4,11%/năm; thị xã Thuận An 3,56%/năm; thị xã Dĩ An 5,03%/năm; thị xã Bến Cát 8,25%/năm; thị xã Tân Uyên 4,68%/năm; huyện Dầu Tiếng 2,53%/năm; huyện Phú Giáo 2,17%/năm (Cục Thống kê Bình

Dương, 2016: 11-12). Các số liệu này phản ánh rõ mức độ phát triển đô thị ở nhiều huyện trong tỉnh, đặc biệt tại thành phố Thủ Dầu Một và thị xã Bến Cát.

Trong vòng 5 năm (2011-2015) dân số cơ học Bình Dương tăng gần 230.000 người. Nguyên nhân là do chính sách thu hút đầu tư, phát triển kinh tế và xây dựng các khu công nghiệp của tỉnh “đã thu hút hàng trăm ngàn lao động từ các tỉnh khác đến Bình Dương làm ăn sinh sống” (Nguyễn Hoàng, 2017). Lực lượng lao động dồi dào, dân số ở độ tuổi lao động chiếm đa số trong cơ cấu tổng dân số của tỉnh, trong bối cảnh quá trình “thị dân hóa dân số” diễn ra mạnh mẽ, đã tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, đặc biệt đáp ứng tốt nhu cầu nguồn nhân lực cho các khu công nghiệp của địa phương. Có thể nói dân số cơ học tăng nhanh là tác nhân quan trọng nhất, quyết định đến sự tăng trưởng đô thị. Theo Quyết định số 893/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính phủ, ngày 11/6/2014 về việc *Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến*

năm 2025, dự báo tốc độ tăng dân số đô thị của Bình Dương giai đoạn 2016-2020 bình quân 6,9%/năm và giai đoạn 2011-2025 bình quân 4,5%/năm. Đến năm 2020 dân số đô thị Bình Dương có thể đạt khoảng 2 triệu người, tỷ lệ dân số đô thị chiếm khoảng 80%. Và đến năm 2025 dân số đô thị là 2,5 triệu người, chiếm 83,3% tổng dân số (Quyết định số 893/QĐ-TTg 2014). Như vậy, theo văn kiện này trong khoảng 10 năm nữa tỷ lệ dân số đô thị của Bình Dương sẽ vượt tỷ lệ dân số đô thị hiện nay (2016) của TPHCM (83,3% so với 81,24%). Điều quan tâm hơn là dân số cơ học tăng nhanh⁽¹⁰⁾ sẽ đặt ra hàng loạt vấn đề xã hội cần được giải quyết, như công tác y tế và chăm sóc sức khỏe, giáo dục đào tạo, môi trường, giao thông, nhà ở, vui chơi giải trí, an ninh trật tự xã hội... (Nguyễn Hoàng, 2017).

2.2. Những thay đổi trong cơ cấu kinh tế và mức sống của tỉnh Bình Dương (1997-2015)

2.2.1. Thay đổi cơ cấu kinh tế

Tăng trưởng và phát triển kinh tế của mỗi quốc gia thường gắn liền với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đặc biệt là cơ cấu ngành kinh tế. Số liệu (ở Bảng 3) về mức tăng trưởng kinh tế Bình Dương từ lúc tái lập tỉnh đến nay

(1997-2015) cho thấy kinh tế của Bình Dương tăng trưởng ở mức cao và khá toàn diện. Bình quân khoảng 13,4%/năm, vượt rất xa so với mức bình quân của cả nước và là một trong số ít địa phương dẫn đầu về phát triển kinh tế - xã hội, duy trì mức tăng trưởng cao và ổn định⁽¹¹⁾.

Nhìn chung, bình quân mức tăng GDP gần 20 năm qua giữa các khu vực kinh tế đều cao (ngoại trừ khu vực kinh tế nông, lâm và thủy sản), trong đó dịch vụ xếp vị trí thứ nhất (16,9%); công nghiệp và xây dựng ở vị trí thứ hai (13,4%) (xem Bảng 3).

Chính quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa là những đòn bẩy, đã tạo động lực, thúc đẩy nền kinh tế của Bình Dương tăng trưởng, phát triển theo hướng kinh tế đô thị. Nói cách khác, kinh tế đã phát triển theo hướng (theo thứ tự ưu tiên): *dịch vụ, công nghiệp, xây dựng, và nông nghiệp*. Xu hướng này của Bình Dương cũng khá giống với quá trình đô thị hóa và chuyển biến cơ cấu kinh

Bảng 3. Tăng trưởng GDP bình quân của tỉnh Bình Dương 1997-2015 theo ngành kinh tế (đơn vị: %)

Giai đoạn	Tổng	Khu vực		
		Công nghiệp và xây dựng	Nông, lâm và thủy sản	Dịch vụ
1997 - 2000	14,1	20,4	3,7	9,5
2001 - 2005	15,3	17,9	2,8	15,5
2006 - 2010	14,1	11,4	2,1	24,2
2011 - 2015	13,1	8,5	1,9	20,9
1997 - 2015	13,4	13,4	2,5	16,9

Nguồn: Cục Thống kê Bình Dương, 2016: 4.

tế của phần lớn các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á (Nguyễn Quang Giải, 2016: 415-416)⁽¹²⁾.

2.2.2. Lao động và thu nhập Cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế

Dân số tăng nhanh, đặc biệt tăng cơ học đã làm thay đổi và chuyển biến mạnh mẽ cơ

cấu dân số trong độ tuổi lao động của địa phương. Tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động từ 51,3% thời điểm năm 1997 tăng lên 75,5% năm 2015 (Cục Thống kê Bình Dương, 2016: 12).

Tính bình quân, hàng năm Bình Dương giải quyết việc làm cho 40.000-45.000 công nhân lao động (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2017). Đây là nguồn bổ sung nhân lực đáng kể để phát triển kinh tế của Bình Dương trong thời gian qua.

Cơ cấu lao động làm việc trong các ngành kinh tế giai đoạn 1997-2015 đã có sự dịch chuyển khá mạnh. Lao động tham gia khu vực 1 (nông, lâm, ngư nghiệp) chiếm từ 57,9% năm 1997 giảm xuống còn 8,7% trong tổng số lao động trong các ngành kinh tế năm 2015; lao động khu vực 2 (công nghiệp và xây dựng) từ 26% năm 1997 tăng lên 63,1% năm 2015; và đối với khu vực 3 (dịch vụ) từ 16,1% năm 1997 tăng lên 28,2%

Bảng 4. Lao động đang làm việc phân theo ngành kinh tế (đơn vị: ngàn người)

Khu vực	Giai đoạn				
	1997	2000	2005	2010	2015
Khu vực 1	57,9	44,7	19,2	11,8	8,7
Khu vực 2	26,0	35,8	57,9	65,0	63,1
Khu vực 3	16,1	19,5	22,9	23,2	28,2
Tổng	315	375	723	1.030	1.273

Nguồn: Cục Thống kê Bình Dương, 2016.

trên tổng lao động làm việc trong các ngành kinh tế năm 2015 (xem Bảng 4).

Lao động đã qua đào tạo và thất nghiệp

Lao động đã qua đào tạo là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá chất lượng nguồn nhân lực⁽¹³⁾. Bình quân lao động đã qua đào tạo của Bình Dương giai đoạn 2013-2016 là 17,15%, thấp hơn rất nhiều so với khu vực Đông Nam Bộ (24,77%), với cả nước (19,15%); và khu vực Nam Bộ (17,87%). Lao động đã qua đào tạo ở Bình Dương giai đoạn này chỉ cao hơn so với nguồn lao động ở Đồng bằng sông Cửu Long (11,02%) (Bảng 5).

Bảng 5. Lao động đã qua đào tạo ở Bình Dương giai đoạn 2013-2016 (đơn vị: %)

	2013	2014	2015	2016
Cả nước	17,9	18,2	19,9	20,6
Nam Bộ	16,9	17,2	18,3	19,1
Đông Nam Bộ	23,5	24,1	25,3	26,2
Đồng bằng sông Cửu Long	10,4	10,3	11,4	12,0
Bình Dương	17,0	18,1	17,4	16,1

Nguồn: Tổng hợp từ Niên giám thống kê Việt Nam, 2016.

Bảng 6. Thu nhập bình quân/tháng của người dân Bình Dương 2010-2016 (đơn vị: ngàn đồng)

	2010	2012	2014	2016
Tổng	2.698	3.568	3.768	5.306
Đô thị	2.896	3.601	5.173	5.306
Nông thôn	2.773	3.582	3.268	4.789
Phân theo thu nhập ⁽¹⁵⁾				
Nhóm 1 (nghèo nhất)	981	1.138	1.282	1.887
Nhóm 2	1.295	2.095	2.102	2.933
Nhóm 3	1.755	2.852	2.774	3.737
Nhóm 4	2.441	3.808	3.671	4.857
Nhóm 5 (giàu nhất)	7.014	7.905	8.945	13.171
Chênh nhóm 5 với nhóm 1 (lần)	7,15	6,95	6,98	6,98

Nguồn: Tổng hợp từ *Niên giám thống kê Bình Dương*, 2016.

Lý giải về tình trạng này, một số nghiên cứu cho rằng, vì địa phương có lượng người nhập cư tăng nhanh do đó đã đẩy tỷ lệ lao động trên địa bàn tỉnh chưa qua đào tạo tay nghề lên cao (Ngô Văn Mít, 2011).

Thất nghiệp⁽¹⁴⁾ là một trong những chỉ báo quan trọng phản ánh thực trạng nguồn lực lao động; thất nghiệp cũng là chỉ báo cho biết sự không ăn khớp giữa cung - cầu lao động của một nền kinh tế. Bình quân thất nghiệp của Bình Dương giai đoạn này là 2,35%; tỷ lệ này trùng khớp với bình quân thất nghiệp cả nước (cũng bằng 2,35%). Nhưng so với khu vực Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long thì tỷ lệ thất nghiệp của Bình Dương giai đoạn này có phần thấp hơn (lần lượt là 2,86% và 2,75%) (Cục Thống kê Bình Dương và Tổng cục Thống kê Việt Nam, 2016: 148).

Thu nhập

Theo số liệu của *Niên giám thống kê Bình Dương 2016*, bình quân thu nhập người dân Bình Dương/tháng liên tục tăng theo thời gian. Đặc biệt thu nhập của người dân ở đô thị cao và tăng nhanh hơn so với người dân sống ở khu vực nông thôn; bình quân chênh lệch thu nhập của người giàu so với người nghèo giai đoạn 2013-2016 khoảng 7 lần (xem Bảng 6).

So sánh thu nhập người dân Bình Dương với cả nước giai đoạn 2010, 2012, 2014 cho thấy bình quân thu nhập người dân Bình Dương giai đoạn này cao gấp 1,67 lần so với mức thu nhập bình quân cả nước (3.344,6 ngàn đồng so với 2.008 ngàn đồng/tháng). Thu nhập bình quân của người dân đô thị Bình Dương cao gấp 1,28 lần so với thu nhập bình quân của người dân đô thị cả nước (3.890 nghìn đồng so với 3.027,7 nghìn đồng/tháng). Tương tự như vậy, thu

Bảng 7. Thu nhập bình quân/tháng của người dân Việt Nam 2010; 2012; 2014

đơn vị: ngàn đồng

	2010	2012	2014
Cả nước	1.387,1	1.999,8	2.637,3
Đô thị	2.129,5	2.989,1	3.964,5
Nông thôn	1.070,4	1.579,4	2.038,4
Nhóm 1 (nghèo nhất)	369,4	511,6	659,8
Nhóm 5 (giàu nhất)	3.410,2	4.784,5	6.412,8
Chênh nhóm 5 với nhóm 1 (lần)	9,23	9,35	9,72

Nguồn: Nguyễn Quang Giải, 2017.

nhập người dân nông thôn Bình Dương so với người dân nông thôn cả nước gấp 2,05 lần (3.207,7 ngàn đồng so với 1.562,7 ngàn đồng/tháng); giữa nhóm giàu nhất của Bình Dương so với nhóm giàu nhất cả nước gấp 1,63 lần (7.954,7 ngàn đồng so với 4.869,2 ngàn đồng/tháng); và giữa nhóm nghèo nhất của Bình Dương so với nhóm nghèo nhất cả nước là 2,21 lần (1.133,7 ngàn đồng so với 513,6 ngàn đồng/tháng) (xem Bảng 6 và 7).

3. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐÔ THỊ BÌNH DƯƠNG

Như vậy, sự phát triển đô thị nhảy vọt ở Bình Dương những năm vừa qua tuy có những hạn chế (về chất lượng dân cư, chất lượng môi trường sống...), nhưng đã mang lại nhiều giá trị tích cực trong việc phát triển kinh tế và nâng cao đời sống người dân. Vì vậy, việc phát triển đô thị ở Bình Dương là một xu hướng cần thiết trong tương lai. Tuy nhiên quá trình này cần phải được quy hoạch và được kiểm soát chặt chẽ.

3.1. Đô thị bền vững: nội hàm và tiêu chí

Đô thị bền vững là khái niệm dựa trên nội hàm, nguyên lý của “Phát triển bền vững” với đặc thù của một đô thị. Theo World Bank, đô thị phát triển bền vững phải hội tụ đầy đủ 4 tiêu chí: 2 tiêu chí đầu vào và 2 tiêu chí đầu ra. *Tiêu chí đầu vào:* 1/ được quản lý tốt (Good governance), có nền hành chính công tốt, đặc biệt quy hoạch đô thị và thực hiện quy hoạch đô thị hiệu quả; 2/ tài chính lành mạnh, có thị trường vốn và thu hút được vốn trong và ngoài nước lành mạnh. *Tiêu chí đầu ra:* 1/ cạnh tranh tốt về kinh tế, thích nghi với cơ chế thị trường hướng đến mục tiêu tăng trưởng; 2/ có thể sống tốt (Livability) trong môi trường tự nhiên, xã hội và nhân văn.

3.2. Mô hình để phát triển đô thị ở Bình Dương

Theo Quyết định số 1701/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương, ngày 26/6/2012, về việc *Phê duyệt Đề án quy hoạch chung xây dựng đô thị Bình Dương đến năm*

2020, tầm nhìn đến năm 2030 và từ thực tiễn phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh, Bình Dương phấn đấu đến năm 2020 sẽ trở thành đô thị loại I. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để chính quyền địa phương và người dân phấn đấu xây dựng các đô thị ở Bình Dương trở thành một trong những đô thị phát triển mạnh về kinh tế - xã hội của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Một cơ sở pháp lý quan trọng khác về phát triển đô thị là Quyết định số 893/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 11/6/2014, về việc *Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025*. Theo quyết định này, phát triển đô thị phải phù hợp với mức tăng dân số đô thị.

Lúc này câu hỏi đặt ra ở đây là địa phương cần lựa chọn mô hình nào để phát triển đô thị bền vững? Trên cơ sở phân tích tiến trình đô thị hóa Bình Dương, phân tích nội lực và ngoại lực phát triển kinh tế - xã hội Bình Dương trong gần 20 năm vừa qua, phân tích các mô hình phát triển đô thị ở một số quốc gia phát triển, đặc biệt xét đến vị thế của Bình Dương trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, thì để đô thị Bình Dương phát triển bền vững có thể xem xét các mô hình sau.

Về hình thái đô thị (Urban form), Bình Dương có thể chọn mô hình phát triển đô thị kết hợp hài hòa, hợp lý giữa “Đô thị nén - Compact city⁽¹⁶⁾”; “Chùm đô thị - Urban agglomerations⁽¹⁷⁾” và “Đô thị vệ tinh - Satellite urban⁽¹⁸⁾”. Để

tránh lặp lại những hạn chế của việc phát triển đô thị theo mô hình *siêu đô thị* (Megacity). Một số quốc gia phát triển, đặc biệt là Pháp⁽¹⁹⁾, từ mấy chục năm nay đã tập trung phát triển đô thị vệ tinh quanh các đô thị lõi trung tâm, nhằm giảm bớt áp lực và gánh nặng về dân cư, nhà ở và giao thông cho các đô thị lâu đời, đồng thời tạo điều kiện giảm dần sự chênh lệch trong phát triển giữa các khu vực lãnh thổ (Nguyễn Quân, 2008). Tuy nhiên điều này cũng gặp không ít thách thức. Trước hết, chính sự phân tán của các đô thị cũng gây những khó khăn về công tác quy hoạch và quản lý đô thị. Do vậy, về tổng thể và đồng bộ cần tạo ra một khuôn khổ pháp lý phù hợp để liên kết các đô thị này với nhau dựa trên nền tảng, xu thế phát triển đô thị bền vững hiện nay, đồng thời dựa trên điều kiện lịch sử, kinh tế - xã hội và lợi thế của mỗi đơn vị lãnh thổ.

Quan trọng hơn, giữa các mô hình phát triển đô thị này, cần có sự kết nối chặt chẽ với nhau bằng hệ thống giao thông đô thị hiện đại, đồng bộ; đặc biệt có một hệ thống giao thông công cộng hoàn thiện, có sức chuyên chở lớn (đường sắt đô thị; đường vành đai; đường trên cao; đường dưới lòng đất; và đường sông). Hệ thống giao thông này sẽ cho phép người dân sống tại các đô thị kiểu này có thể di chuyển qua lại dễ dàng, tránh tình trạng “thắt nút cổ chai” tại các cửa ngõ ở những đô thị lớn như TPHCM, Hà Nội hiện nay. Xen cài, kết nối giữa đô thị trung tâm - chùm đô thị - đô thị vệ tinh là

các vành đai xanh trên nguyên tắc “một đô thị ba chiến lược phát triển kết nối với hành lang xanh” (QĐ 1701/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương năm 2012).

Định hướng và quy hoạch phát triển hệ thống đô thị Bình Dương kết hợp giữa “đô thị nén”; “chùm đô thị” và “đô thị vệ tinh” có thể là hướng gợi mở phù hợp đối với Bình Dương nói riêng và Vùng đô thị TPHCM nói chung, vì nó vừa tận dụng mức độ đô thị hóa đang diễn ra trên toàn tỉnh, vừa nâng cao vị thế của Bình Dương đối với Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước. Ở nhiều nước trên thế giới, các đô thị phát triển dần dần trở thành các trung tâm phát triển, có tác động lan tỏa lôi kéo các vùng phụ cận phát triển, tạo nên các vùng đô thị và đại đô thị (Extended Metropolitan Regions - EMRs) (Terry Mc Gee, 2012).

Đối với quản trị đô thị, việc quy hoạch, phát triển đô thị theo những mô hình này sẽ giúp công tác quản lý đô thị ở Bình Dương được khoa học và tốt hơn, tránh và hạn chế được những “căn bệnh đô thị” như tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm môi trường, khu ổ chuột, bệnh “to đầu”... mà nhiều đô thị lớn của Việt Nam (TPHCM, Hà Nội,...) và một số đô thị của thế giới (New Delhi (Ấn Độ)⁽²⁰⁾, Bắc Kinh (Trung Quốc); Jakarta, Surabaya (Indonesia), Bangkok (Thái Lan)⁽²¹⁾...) gặp phải. Những đô thị này, dù được xem là những cực tăng trưởng có sức lan tỏa không chỉ ở phạm vi quốc gia mà còn đối với khu vực và thế giới, tuy nhiên

chúng đang phải đối mặt với những thách thức phát triển đô thị bền vững.

Bên cạnh đó, việc phát triển đô thị theo mô hình liên kết chùm đô thị và đô thị vệ tinh sẽ tạo điều kiện thúc đẩy, tăng cường mối liên kết, hợp tác cùng phát triển giữa các đô thị trong khu vực. Ở tầm vùng và liên vùng, với sự đồng thuận của các đơn vị hành chính, sẽ tạo ra một chiến lược chung cho phép giải quyết những thách thức mang tính toàn cục trong quá trình đô thị hóa cũng như vấn đề chỉnh trang và phát triển đô thị.

Cụ thể, không gian đô thị Bình Dương có thể được quy hoạch, phát triển đồng đều và kết nối thành công *chiến lược 3 khu vực*⁽²²⁾ - phía nam, phía bắc, và trung tâm (như QĐ 1701/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương năm 2012).

Việc phát triển đô thị theo 3 khu vực này dựa trên cơ sở lý thuyết về hình thái phát triển đô thị và đặc biệt có nghiên cứu về những điều kiện, sự phù hợp, khả năng đáp ứng của thực tiễn địa phương.

Khu vực 1: Khu vực phía nam, phát triển *đô thị nén*, mật độ cao. Theo đó, đô thị Thuận An và đô thị Dĩ An là các đô thị dịch vụ - công nghiệp. Trong tương lai tại khu vực này cần hạn chế phát triển công nghiệp theo chiều rộng (gia công), ngược lại tăng cường phát triển công nghiệp theo chiều sâu (công nghiệp sạch, giá trị kinh tế cao).

Là đô thị nén, có vị trí đầu mối giao thông quan trọng nối kết với giao

thông vùng do vậy cần đầu tư và nâng cấp hệ thống giao thông đô thị hiện đại hơn nữa nhằm gia tăng mối liên hệ và khai thác quy luật phát triển đô thị theo “vết dầu loang” từ TPHCM đến Bình Dương và đến một lúc nào đó “vết dầu loang” này có thể sẽ loang đến một số địa phương lân cận.

Khu vực 2: Khu vực trung tâm, phát triển theo *chùm đô thị*, mật độ trung bình. Các chùm đô thị này là đô thị đa chức năng (cư trú, làm việc, học hành, mua sắm và giải trí); và đô thị đa trung tâm, trong đó Thủ Dầu Một đóng vai trò đô thị trung tâm, đô thị lõi.

Đô thị mới Hòa Phú - Phú Tân (thành phố mới Bình Dương): chức năng dịch vụ - công nghiệp; là trung tâm chính trị, hành chính; đô thị Phú Cường - Phú Lợi: dịch vụ - thương mại; đô thị Nam Bến Cát: dịch vụ - công nghiệp; đô thị Nam Tân Uyên: đô thị công nghiệp - dịch vụ; khu vực Tân Ba, Thái Hòa và Tân Bình là đô thị cảng, dịch vụ, công nghiệp.

Khu vực 3: Khu vực đô thị phía bắc. Phát triển theo mô hình *đô thị vệ tinh*, mật độ thấp. Đô thị Tân Thành: chức năng dịch vụ - du lịch, là trung tâm chính trị, hành chính huyện; đô thị Cống Xanh: công nghiệp - dịch vụ; đô thị Thường Tân: công nghiệp - dịch vụ; đô thị Phước Vĩnh: dịch vụ - công nghiệp, là trung tâm chính trị, hành chính huyện; đô thị Bàu Bàng: công nghiệp - dịch vụ, là trung tâm chính trị, hành chính huyện; đô thị Dầu Tiếng: dịch vụ - du lịch - nông nghiệp chất lượng cao (nông nghiệp đô thị), là

trung tâm hành chính huyện; Đô thị Long Hòa - An Lập: công nghiệp - dịch vụ; Đô thị Thanh Tuyền: dịch vụ - du lịch - nông nghiệp đô thị; đô thị Minh Hòa - Minh Thạnh: dịch vụ - du lịch. Đối với những đô thị có chức năng công nghiệp thì cần ưu tiên phát triển công nghiệp phù hợp với thế mạnh của địa phương, đặc biệt công nghiệp cơ khí; công nghiệp hóa chất; chế biến nông, lâm sản, thực phẩm; sản xuất vật liệu; khai thác khoáng sản.

Bên cạnh định hướng, quy hoạch không gian đô thị vừa được nêu ở trên, Bình Dương cần khai thác và phát huy hơn nữa lợi thế vị thế đầu mối giao thông kết nối Vùng đô thị TPHCM; Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; bảo vệ môi trường; phát triển hạ tầng xã hội và nâng cao mức sống cư dân.

3.3. Nâng cao vị thế đầu mối giao thông vùng

Vùng đô thị TPHCM là vùng kinh tế phát triển rất năng động; vùng có ý nghĩa quan trọng của quốc gia trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa. Trong mối liên kết quy hoạch phát triển Vùng đô thị TPHCM theo mô hình tập trung đa cực lấy TPHCM làm đô thị hạt nhân, hướng tới một đô thị phát triển ngang tầm khu vực và quốc tế, Bình Dương⁽²³⁾ được xem là địa phương có vai trò quan trọng trong việc kết nối, là cửa ngõ giao thương giúp gắn kết giữa lõi trung tâm là TPHCM và các tỉnh, thành xung quanh. Trong chiến lược phát triển từ nay đến năm 2025,

Bình Dương cần ưu tiên phát triển hệ thống giao thông hiện đại, đồng bộ kết nối được với hệ thống đô thị trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam⁽²⁴⁾ nhằm khai thác được thế mạnh về giao thông vận tải, Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Long Thành, cụm cảng nước sâu Thị Vải - Vũng Tàu, dịch vụ tài chính, ngân hàng, đào tạo; và đặc biệt tận dụng quy luật phát triển đô thị theo “vết dầu loang” của TPHCM để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội Bình Dương. Nếu khai thác tốt những lợi thế này, sẽ tạo đà cho quá trình đô thị hóa Bình Dương phát triển theo chiều sâu⁽²⁵⁾.

3.4. Bảo vệ môi trường - hướng đến nền công nghiệp sạch

Đô thị hóa và công nghiệp hóa là hai quá trình cùng song song đồng hành; phát triển của công nghiệp kéo theo sự ra đời các khu đô thị và thực tiễn phát triển đô thị Bình Dương cũng không nằm ngoài quy luật này. Trong

những năm qua, Bình Dương là một trong những tỉnh đi đầu cả nước về phát triển khu công nghiệp⁽²⁷⁾.

Theo quy hoạch phát triển tỉnh Bình Dương đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025, tốc độ tăng trưởng công nghiệp giai đoạn 2016-2020 là 16,1%/năm và định hướng công nghiệp sẽ tập trung phát triển lên các huyện phía bắc của tỉnh. Đến năm 2020, Bình Dương có 37 khu công nghiệp (trong đó có 29 khu công nghiệp đã được quy hoạch, 3 khu công nghiệp mở rộng và 5 khu công nghiệp dự kiến) với tổng diện tích 17.231,53ha (Nguyễn Hằng, 2016).

Tuy có sự hiện diện của hàng ngàn doanh nghiệp tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn, nhưng Bình Dương đã kiểm soát và bảo vệ môi trường tương đối tốt. Tuy nhiên, với sự gia tăng số lượng của các khu công nghiệp trong thời gian tới, cùng với tốc độ đô thị hóa ngày càng tăng

Bảng 8. Dự báo thải lượng ô nhiễm môi trường tại các KCN phía nam đến năm 2020

Tỉnh/thành	Tổng lượng nước thải (đơn vị: m ³ /ngày)	Bụi	Tổng lượng chất thải rắn nguy hại (đơn vị: tấn/ngày)
Tây Ninh	7.238	1.552	23
Tiền Giang	8.380	1.796	20
Bình Phước	87.720	18.801	208
Đồng Nai	136.937	29.350	325
TPHCM	138.192	29.619	328
11 tỉnh ĐBSCL ⁽²⁶⁾	152.760	32.741	367
Bà Rịa – Vũng Tàu	154.958	33.212	368
Long An	178.506	38.259	424
Bình Dương	258.730	55.453	328
Tổng	1.123.421	240.783	2.391

Nguồn: Nguyễn Quang Giải, 2015.

nhanh sẽ đặt ra sự báo động về tải lượng ô nhiễm môi trường. Số liệu dự báo về tổng lượng chất thải từ các khu công nghiệp ở một số địa phương phía nam đến năm 2020 (xem Bảng 8) cho thấy Bình Dương sẽ là địa phương xếp vị trí cao nhất về tải lượng ô nhiễm môi trường tại khu công nghiệp. Do vậy, vấn đề đặt ra đối với Bình Dương là cần có những giải pháp đồng bộ, kiểm soát và bảo vệ môi trường hiệu quả hơn nữa, nhằm tiến đến nền công nghiệp sạch, hiện đại, có hàm lượng khoa học cao, tạo giá trị gia tăng lớn, không gây ô nhiễm môi trường - đảm bảo sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường hiện tại và tương lai.

3.5. Phát triển hạ tầng xã hội, nâng cao mức sống dân cư

Như những phân tích ở trên, dân số cơ học tăng nhanh là một trong những thách thức lớn về hạ tầng, an sinh, và phúc lợi xã hội, đặc biệt đối với địa phương có tỷ suất nhập cư đông. Trong khi đó, nhiều chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội từ Trung ương đến địa phương chưa quan tâm đầy đủ đến nguồn nhân lực này⁽²⁸⁾. Với địa phương có lượng người nhập cư đông như Bình Dương, chắc chắn rằng vấn đề giáo dục, y tế, văn hóa - xã hội,... thực sự là bài toán khó, cản trở cho sự phát triển bền vững đô thị Bình Dương. Do vậy, để tạo điều kiện cho người nhập cư sinh sống, Nhà nước, chính quyền địa phương cần có những cơ chế, chính sách thiết thực, hiệu quả hơn nữa nhằm hướng

đến mục tiêu: trước tiên giúp người dân có thể tiếp cận, sử dụng được những nhu cầu xã hội cơ bản; ổn định cuộc sống; an cư lạc nghiệp, và sau cùng tạo điều kiện để người dân thực hiện “trách nhiệm xã hội” vì sự phát triển bền vững của địa phương tại nơi đến.

4. KẾT LUẬN

Bình Dương đang trong quá trình phát triển với mức độ đô thị hóa nhanh, từ một xã hội nông thôn, nông nghiệp, nông dân, Bình Dương đang chuyển đổi sang xã hội đô thị, công nghiệp và thị dân. Bên cạnh những thành tựu đạt được, địa phương này đang phải đối mặt với những thách thức cần được giải quyết. Vì vậy, trong định hướng xây dựng, phát triển đô thị bền vững, Bình Dương cần quy hoạch, phát triển mô hình đô thị đa trung tâm, đa cực với nhiều hình thái hợp lý - kết hợp giữa *đô thị nén*, *đô thị chuỗi* và *đô thị vệ tinh* theo ba khu vực, theo đó đô thị nén nằm ở phía nam; chùm đô thị ở khu vực trung tâm và đô thị vệ tinh nằm ở phía bắc. Mặt khác, Bình Dương cần khai thác và phát huy hơn nữa vị thế đầu mối giao thông kết nối Vùng, xây dựng hệ thống giao thông bền vững; bảo vệ môi trường; và phát triển hạ tầng xã hội, nâng cao mức sống cư dân. Việc lựa chọn, phối hợp và phát triển hài hòa, hợp lý các hình thái đô thị và hạ tầng kỹ thuật; xã hội đô thị như được phân tích ở trên sẽ giúp đô thị Bình Dương phát triển bền vững; hạn chế và tránh được những “căn bệnh đô thị” đã từng xảy ra ở

Việt Nam và thế giới. Để thay lời kết chúng tôi muốn trích lời phát biểu của nguyên Phó Thủ tướng Nguyễn Sinh Hùng “Việt Nam sẽ chỉ có một cơ hội duy nhất để đô thị hóa đúng đắn. Nếu

thất bại trong đô thị hóa, chúng ta cũng sẽ thất bại trong công nghiệp hóa và hiện đại hóa” (Nguyễn Sinh Hùng, 2009: 3). □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Khái niệm “Đô thị hóa” rất đa dạng, bởi vì đô thị hóa chứa đựng nhiều hiện tượng và biểu hiện khác nhau trong tiến trình phát triển. Theo Võ Kim Cương, đô thị hóa là quá trình phát triển đô thị ở một quốc gia. Đô thị hóa bao gồm việc mở rộng các đô thị hiện hữu và việc hình thành các đô thị mới. Để đánh giá quá trình đô thị hóa, người ta chỉ dựa vào 2/5 tiêu chí liên quan đến dân số đô thị là *mức độ đô thị hóa* và *tốc độ đô thị hóa* (Võ Kim Cương, 2013: 15). Mức độ đô thị hóa được tính bằng tỷ lệ phần trăm số dân đô thị so với tổng dân số toàn quốc hay vùng. Tỷ lệ dân số đô thị được coi như thước đo về đô thị hóa để so sánh mức độ đô thị hóa giữa các nước với nhau hoặc các vùng khác nhau trong một nước.

⁽²⁾ Vùng đô thị TPHCM gồm 8 tỉnh, thành của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam: Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Tiền Giang và TPHCM.

⁽³⁾ Thành phố Thủ Dầu Một, thị xã Dĩ An, thị xã Thuận An, thị xã Bến Cát, thị xã Tân Uyên và các huyện Bàu Bàng, Bắc Tân Uyên, Dầu Tiếng, Phú Giáo và 91 đơn vị hành chính cấp xã (48 xã, 41 phường, 2 thị trấn).

⁽⁴⁾ Tổng hợp của tác giả từ “Đô thị hóa và môi trường tại các đô thị lớn ở Nam Bộ (trường hợp TPHCM, Bình Dương và Cần Thơ) [Nguyễn Quang Giải, 2015]; *Niên giám thống kê Việt Nam 2015, 2016*; và *Niên giám thống kê Bình Dương 2016*.

⁽⁵⁾ Nghị quyết số 11/NQ-CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 02/5/2012, về việc *Thành lập thành phố Thủ Dầu Một thuộc tỉnh Bình Dương*, Đặc biệt, Nghị quyết số 136/NQ-CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 29/12/2013 về việc *Điều chỉnh địa giới hành chính huyện Bến Cát để thành lập thị xã Bến Cát, điều chỉnh địa giới hành chính huyện Tân Uyên để thành lập thị xã Tân Uyên và thành lập 16 phường thuộc thị xã Bến Cát, thị xã Tân Uyên, thị xã Thuận An và thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương*.

⁽⁶⁾ Trong khi đó theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009 lượng người nhập cư đến các địa phương Đà Nẵng, Đồng Nai và TP.HCM chỉ chiếm trên 10% dân số của các tỉnh, thành này.

⁽⁷⁾ Tỷ suất nhập cư là số người từ đơn vị lãnh thổ khác (nơi xuất cư) nhập cư đến một đơn vị lãnh thổ trong kỳ nghiên cứu (thường là một năm lịch) tính bình quân trên 1.000 dân của đơn vị lãnh thổ đó (nơi nhập cư).

⁽⁸⁾ Năm 2011 mức tăng 10,03%; năm 2013 = 9,00%; năm 2014 = 8,82%; 2015 = 8,56%; và 2016 (sơ bộ) = 8,50%.

⁽⁹⁾ Mức tăng của Vùng Đông Nam Bộ giai đoạn này là 3,2%/năm.

⁽¹⁰⁾ Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên khá thấp (năm 2015 vào khoảng 0,78%), tuy nhiên tỷ lệ tăng dân số cơ học ở mức cao. Trong vòng 5 năm (2011-2015) dân số cơ học của Bình Dương tăng gần 230.000 người (Chi cục Dân số Kế hoạch hóa gia đình, 2017).

(11) Bình quân tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2003-2016 đạt khoảng 6,22% (Tổng hợp của tác giả từ Tổng cục Thống kê Việt Nam 2018).

(12) Tại khu vực Đông Nam Á, số liệu năm 2014 cho thấy, cơ cấu kinh tế giữa 3 khu vực (khu vực 1: nông, lâm nghiệp và thủy sản; khu vực 2: công nghiệp và xây dựng; khu vực 3: dịch vụ) tại các quốc gia này có sự phân bố không đồng đều. Tuy nhiên, xu hướng chung là: quốc gia nào có mức độ đô thị hóa càng cao, càng tỷ lệ thuận với tỷ trọng cơ cấu kinh tế theo hướng *dịch vụ-công nghiệp, xây dựng-nông, lâm nghiệp, ngư nghiệp*; và ngược lại, quốc gia nào có mức độ đô thị hóa thấp, thì tỷ trọng cơ cấu kinh tế sẽ là *nông, lâm nghiệp, ngư nghiệp - công nghiệp, xây dựng-dịch vụ* (Nguyễn Quang Giải, 2016: 415-416).

(13) Lao động đã qua đào tạo là những người đã học và tốt nghiệp ở một trường lớp đào tạo chuyên môn kỹ thuật của cấp học hoặc trình độ đào tạo tương đương thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ 3 tháng trở lên (có văn bằng hoặc chứng chỉ công nhận kết quả đào tạo)

(14) Người thất nghiệp là những người từ 15 tuổi trở lên hiện không có việc làm và đã xúc tiến hoạt động tìm kiếm việc làm và sẵn sàng làm việc trong thời gian tham chiếu (Tổng cục Thống kê, 2015).

(15) Phân thu nhập của người dân theo ngũ vị phân, với khoảng cách đều nhau là 20%. Nhóm 1, nhóm có thu nhập thấp nhất; Nhóm 5, nhóm có thu nhập cao nhất.

(16) “Đô thị nén” thành phố của khoảng cách ngắn (City of short distance) là tên gọi do Dantzig và Saaty đưa ra từ năm 1973 và được thông dụng tại Châu Âu, trong khi tại Bắc Mỹ tên gọi “Tăng trưởng thông minh” (Smart growth) được ưa chuộng hơn. Đô thị nén phát triển theo hình thái tăng trưởng gắn với tăng mật độ dân cư trên diện tích đất hiện có. Đặc điểm chính của đô thị nén là có mật độ đô thị tương đối cao (mật độ xây dựng, mật độ dân, tỷ lệ của các hạng mục giao thông, cây xanh, dịch vụ tiện ích... của đô thị), sử dụng hỗn hợp đất đai, khuyến khích đi bộ và xe đạp, chú trọng giao thông công cộng, tiết kiệm năng lượng, đảm bảo nhu cầu nhà ở, việc làm và chất lượng cuộc sống cho mọi người (Phạm Sỹ Liêm và Bùi Mạnh Tiến, 2013; IEREK, 2016).

(17) “Chùm đô thị” được hình thành bởi một đô thị trung tâm (đô thị hạt nhân) và vùng ảnh hưởng của nó. Chùm đô thị là một vùng không gian lãnh thổ trên đó thể hiện các hoạt động tổng hợp đô thị hóa cao giữa đô thị trung tâm và một nhóm các đô thị, điểm dân cư khác trong vùng ảnh hưởng có quan hệ mật thiết và hỗ trợ nhau trong hoạt động kinh tế - xã hội (sản xuất, lao động, dịch vụ, nghỉ ngơi, giải trí...), và đặc biệt chúng được kết nối chặt chẽ với nhau bằng một hệ thống giao thông hiện đại và phát triển (Nguyễn Hồng Tiến, 2018). Với tiềm năng kinh tế - xã hội của đô thị hạt nhân sẽ nuôi sống những ngôi làng gần nhất (feeds the nearest villages). Đổi lại, nhóm đô thị vệ tinh cung cấp cho trung tâm với các nguồn lực khác nhau tăng cường tiềm năng của nó (Shmidt và cộng sự, 2016).

(18) “Đô thị vệ tinh” là những đô thị nằm trong vùng ảnh hưởng của đô thị cực lớn chịu ảnh hưởng và tác động mạnh mẽ của đô thị này mặc dù về mặt địa lý tự nhiên và quản lý về hành chính nó tách rời khỏi đô thị đó. Trong quá trình kiểm soát hạn chế sự phát triển nhanh và quá tải của các đô thị cực lớn, một số chức năng của đô thị này được chuyển về các đô thị vệ tinh phụ thuộc vào độ rộng lớn của đất đai, khả năng tiếp cận đến hệ thống giao thông. Để các thành phố vệ tinh phát triển thì môi trường cảnh quan phải được cải thiện tốt hơn so với các khu vực khác trong đô thị trung tâm, đây phải là nơi có đủ điều kiện về nhà ở, việc làm và đặc biệt có hệ thống giao thông hiện đại và phát triển nhằm liên hệ thuận tiện với đô thị trung tâm và các vùng phụ cận (Nguyễn Hồng Tiến, 2018).

(19) Nước Pháp từ trước tới nay tập trung phát triển đô thị quanh khu vực thủ đô Paris và vùng Ile de France, khu vực này có diện tích 12.000km² (1/40 diện tích nước Pháp) nhưng chiếm tới 1/5 dân số cả nước. Trong vùng Ile de France thì chỉ riêng Paris và khu vực phụ cận đã chiếm tới 90% dân số của cả vùng trong khi chỉ chiếm 20% diện tích. Việc tập trung quá đông dân cư trên một khu vực lãnh thổ nhỏ hẹp tạo ra không ít khó khăn cho các nhà quản lý đô thị, đặc biệt là ách tắc giao thông và ô nhiễm không khí do một lượng lớn hàng triệu xe hơi gây ra. Để hạn chế thực trạng này, Pháp phát triển mô hình đô thị vệ tinh quanh các trung tâm đô thị vốn có (Nguyễn Quân, 2008).

(20) <http://vnexpress.net/tin-tuc/khoa-hoc/thanh-pho-o-nhiem-nhat-the-gioi-3203323.html>, truy cập ngày 20/4/2015.

(21) <http://vovgiaothong.vn/giao-thong-quoc-te/jakarta-dung-dau-top-10-thanh-pho-co-nan-tac-duong-tram-trong-nhat/35844>, truy cập ngày 5/2/2015.

(22) Phát triển *đô thị nén* ở phía nam (Khu vực 1). Nguyên lý của phát triển đô thị nén là tăng cường sử dụng không gian đô thị hiện tại càng nhiều càng tốt; tăng trưởng đô thị gắn với tăng mật độ dân cư trên diện tích hiện có. Theo đó, đặc điểm chung nhất của đô thị nén là sự tích tụ dân cư cao. Thực tiễn khu vực phía nam là địa bàn giáp ranh đô thị TPHCM, nơi có mật độ dân số cao nhất của Bình Dương do vậy nỗ lực xây dựng và phát triển đô thị nén tại đây có tính khả thi (Theo *Niên giám thống kê Bình Dương năm 2016*, mật độ dân số của thị xã Dĩ An 6.509 người/km², thị xã Thuận An 5.617 người/km²; thành phố Thủ Dầu Một 2.503 người/km²; thị xã Tân Uyên 1.239 người/km²; thị xã Bến Cát 987 người/km²; huyện Bàu Bàng 262 người/km²; huyện Dầu Tiếng 168 người/km²; huyện Phú Giáo 175 người/km²; huyện Bắc Tân Uyên 158 người/km²). Tương tự như vậy, phát triển *chùm đô thị* ở khu vực trung tâm (Khu vực 2). Chùm đô thị được hình thành bởi một đô thị trung tâm và vùng ảnh hưởng của nó. Đặc điểm của mô hình đô thị này là chúng thể hiện các hoạt động tổng hợp đô thị hóa cao; chúng được kết nối chặt chẽ với nhau bằng hệ thống giao thông hiện đại, thông minh. Thực tiễn hình thành và phát triển Bình Dương đã chứng minh khu vực trung tâm, khu vực lõi đô thị của tỉnh là thành phố Thủ Dầu Một - đô thị đa chức năng. Đô thị Thủ Dầu Một là trung tâm chính trị, kinh tế, khoa học công nghệ, văn hóa giáo dục và du lịch của tỉnh, và thời gian gần đây (2014) thành phố mới Bình Dương được xây dựng tại khu liên hợp công nghiệp - đô thị - dịch vụ tỉnh Bình Dương. Nơi đây sẽ trở thành khu đô thị văn minh, hiện đại của Bình Dương thời kỳ mới (<http://www.becamex-tokyu.com/>, 2018). Đặc biệt nơi đây đã được chính quyền địa phương chọn làm trung tâm hành chính tập trung của tỉnh, hiện nay các cơ quan hành chính đã dời về đây làm việc.

Và cuối cùng là mô hình *đô thị vệ tinh* ở phía bắc (Khu vực 3). Nguyên lý của phát triển đô thị kiểu này dựa vào sự ảnh hưởng của đô thị cực lớn; giảm áp lực và sự quá tải đối với đô thị “mẹ” bằng cách chuyển một số chức năng ra (về) các đô thị vệ tinh. Hiện tại quỹ đất tại đây còn nhiều; mật độ dân số thấp; hội tụ những yếu tố thuận lợi để quy hoạch, phát triển đô thị đa chức năng: đô thị công nghiệp; dịch vụ - du lịch; hành chính và nông nghiệp đô thị.

(23) Phía tây tỉnh Bình Dương có chung sông Sài Gòn, phía nam có thị xã Dĩ An, thị xã Thuận An và thành phố Thủ Dầu Một là khu vực phát triển đô thị gắn kết với vùng lõi đô thị TPHCM.

(24) TPHCM, Biên Hòa, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Xoài, Tây Ninh, Tân An, Mỹ Tho... với các đô thị Bình Dương: Thủ Dầu Một, Nam Bến Cát, Nam Tân Uyên theo các trục hướng tâm và xuyên tâm.

⁽²⁵⁾ Đô thị hóa được xem xét ở hai khía cạnh: đô thị hóa theo chiều rộng và đô thị hóa theo chiều sâu. Đô thị hóa theo chiều rộng gắn với vấn đề mở rộng không gian đô thị và hình thành hệ thống đô thị theo vùng của quốc gia. Đô thị hóa theo chiều sâu gắn với quy hoạch không gian đô thị nhằm nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng, trình độ và hiệu quả kinh tế, chất lượng và môi trường sống của cư dân trong từng đô thị.

⁽²⁶⁾ “không kể Long An và Tiền Giang”.

⁽²⁷⁾ Năm 1997 Bình Dương mới chỉ có 6 khu công nghiệp tập trung với diện tích 800ha, thì đến nay toàn tỉnh có 29 khu công nghiệp và 8 cụm công nghiệp tập trung với tổng diện tích hơn 10.000ha được phân bố ở hầu khắp các vùng trong tỉnh. Để tạo động lực làm đòn bẩy phát triển kinh tế, tỉnh Bình Dương chú trọng phát triển ngành công nghiệp, trong đó tập trung phát triển các khu công nghiệp là giải pháp bền vững cho chiến lược này (<http://khucongnghiep.com.vn/tabid/65/articletype/ArticleView/articleId/1632/default.aspx>).

⁽²⁸⁾ Trong phân bổ ngân sách cho địa phương, thì ngân sách của trung ương phân về cho địa phương không tính đến dân số nhập cư.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Andrey, V. Shmidt; Valentina S. Antonyuk; Alberto Francini. 2016. “Urban Agglomerations in the Regional Development: Theoretical, Methodological and Applied Aspects”. <https://journals.urfu.ru/index.php/r-economy/article/view/2939/0>, ngày truy cập 9/9/2018.
2. Becamex-Tokyu. 2018. “Thành phố mới Bình Dương”. http://www.becamex-tokyu.com/introduction_of_binh_duong_province/binh_duong_new_city/, ngày truy cập 9/9/2018.
3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. 2017. “Bình Dương: Quan tâm chăm lo chăm lo đời sống công nhân lao động”. <http://www.molisa.gov.vn/vi/Pages/chitiettin.aspx?IDNews=27206>, ngày truy cập 9/9/2018.
4. Chính phủ. 2009. Nghị quyết số 36/NQ-CP của Thủ tướng Chính phủ, ngày 11/8/2009, về việc *Điều chỉnh địa giới hành chính huyện Bến Cát, huyện Tân Uyên để mở rộng địa giới hành chính thị xã Thủ Dầu Một; thành lập phường thuộc thị xã Thủ Dầu Một, thành lập thị trấn Thái Hòa thuộc huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương*.
5. Chính phủ. 2014. Quyết định số 893/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 11/6/2014, về việc *Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025*.
6. Colldahl, Caroline and Sonya Frey; Joseph E. Kelemen. 2013. *Smart Cities: Strategic Sustainable Development for an Urban World*. School of Engineering, Blekinge Institute of Technology, Karlskrona. Sweden.
7. Cục Thống kê Bình Dương. 2016. *Bình Dương 20 năm xây dựng và phát triển*. Bình Dương: Nxb. Cục Thống kê Bình Dương.
8. Cục Thống kê Bình Dương. 2016. *Niên giám thống kê Bình Dương 2016*. Bình Dương: Nxb. Thanh niên.
9. Đình Lý. 2016. “Cần triển khai các giải pháp phát triển đô thị Bình Dương một cách bền vững”. <https://www.binhduong.gov.vn/tin-tuc/2016/01/8814-Can-trien-khai-cac-giai-phap-phat-trien-do-thi-Binh-Duong-mot-cach-ben-vung>.

10. <http://www.binhduong.gov.vn/>, ngày truy cập 20/7/2018.
11. <https://thongke.binhduong.gov.vn/Pages/Home.aspx>, ngày truy cập 20/7/2018.
12. <https://www.gso.gov.vn/>, ngày truy cập 20/7/2018.
13. IEREK. 2016. “The compact city a sustainable urban form”. <http://www.ierek.com/news/index.php/2016/08/03/compact-city-sustainable-urban-form/>, ngày truy cập 9/9/2018.
14. Lê Phương. 2016. “20 năm đô thị hóa tỉnh Bình Dương - Những vấn đề thực tiễn - Kỳ 2: Đô thị hóa gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế”. <http://baobinhduong.vn/20-nam-do-thi-hoa-tinh-binh-duong-nhung-van-de-thuc-tien-ky-2-a135164.html>, ngày truy cập 20/7/2018.
15. Mc Gee, T.G. 2012. “*Revisiting the Urban Fringe: Reassessing the Challenges of the Mega-Urbanization Process in Southeast Asia*”, (nhiều tác giả), Trends of Urbanization and Suburbanization in Southeast Asia. TPHCM: Nxb. Tổng hợp TPHCM.
16. Ngân hàng Thế giới. 2011. *Đánh giá đô thị hóa ở Việt Nam - Báo cáo hỗ trợ kỹ thuật*. World Bank.
17. Ngô Văn Mít. 2011. “Tập trung phát triển nguồn nhân lực - yếu tố cơ bản để Bình Dương phát triển nhanh và bền vững”. <http://thongke.binhduong.gov.vn/>, ngày truy cập 9/9/2018.
18. Nguyễn Hằng. 2016. “Bình Dương: Chú trọng phát triển khu công nghiệp sạch”, <http://khucongnghiep.com.vn/dinhhuong/tabid/65/articleType/ArticleView/articleId/1632/BNH-DNG-Ch-trng-pht-trin-KCN-sch.aspx>, ngày truy cập 9/9/2018.
19. Nguyễn Hoàng. 2017. “75,6% dân số Bình Dương trong độ tuổi lao động”. <http://www.congdoanbinhduong.org.vn/tin-tuc/chi-tiet/756-dan-so-binh-duong-trong-do-tuoi-lao-dong-491>, ngày truy cập 20/7/2018.
20. Nguyễn Hồng Tiến. 2018. “Chùm đô thị với các mô hình tổ chức không gian”. thuvienxaydung.net/quy-hoach/chum-do-thi-voi-cac-mo-hinh-to-chuc-khong-gian.html, ngày truy cập 9/9/2018.
21. Nguyễn Quân. 2008. “Mô hình nào cho các đô thị đang trên đà mở rộng của Việt Nam”. <https://kienviet.net/2008/05/24/mo-hinh-nao-cho-cac-do-thi-dang-tren-da-mo-ron-g-cua-viet-nam/>, ngày truy cập 9/9/2018.
22. Nguyễn Quang Giải. 2015. “Đô thị hóa và môi trường tại các đô thị lớn ở Nam Bộ (trường hợp TPHCM, Bình Dương và Cần Thơ), trong Nhiều tác giả. 2015. *20 năm đô thị hóa Nam Bộ - Lý luận và thực tiễn*. TPHCM: Nxb. Đại học Quốc gia TPHCM.
23. Nguyễn Quang Giải. 2016. “Đô thị hóa Việt Nam trong bối cảnh đô thị hóa khu vực Đông Nam Á: Đặc điểm và triển vọng”, trong Nhiều tác giả. 2016. *Việt Nam và Đông Nam Á trong bối cảnh toàn cầu*. TPHCM: Nxb. Đại học Quốc gia TPHCM.
24. Nguyễn Quang Giải. 2017. “Chênh lệch về mức sống dân cư qua dữ liệu các cuộc điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam 2006-2014”. *Tạp chí Khoa học Xã hội (TPHCM)*, số 9(229).
25. Nguyễn Sinh Hùng. 2009. Lời phát biểu của Phó Thủ tướng Nguyễn Sinh Hùng tại Hội nghị Đô thị toàn quốc, ngày 6-7/11/2009, dẫn lại từ Ngân hàng Thế giới. 2011. *Đánh giá đô thị hóa ở Việt Nam - Báo cáo hỗ trợ kỹ thuật*. World Bank.

26. Nguyễn Thị Hoài Phương. 2017. “Quá trình đô thị hóa ảnh hưởng đến chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất tỉnh Bình Dương giai đoạn 2000 - 2015”. *Tạp chí Khoa học*, Tập 14, số 5(2017), Đại học Sư phạm TPHCM.
27. Phạm Sỹ Liêm và Bùi Mạnh Tiến. 2013. “Sức sống đô thị nén”. <http://ashui.com/mag/chuyenmuc/quy-hoach-do-thi/8253-suc-song-do-thi-nen.html>, ngày truy cập 20/7/2018.
28. Quốc hội số 52/2005/QH11. 2005. *Luật Bảo vệ môi trường*. Hà Nội, ngày 29/11/2005.
29. Tổng cục Thống kê. 2005-2016. *Niên giám thống kê Việt Nam từ 2005-2016*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
30. Tổng cục Thống kê. 2010. *Tổng điều tra dân số nhà ở Việt Nam năm 2009*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
31. Trần Trọng Hanh. 2014. “Mô hình đô thị tương lai của Việt Nam”. *Tạp chí Kiến trúc Việt Nam*, số 9. <http://thuvienxaydung.net/quy-hoach/mo-hinh-do-thi-tuong-lai-cua-viet-nam.html>, ngày truy cập 9/9/2018.
32. United Nations. 2015. *World Urbanization Prospect: The 2014 Revision*. New York: United Nations.
33. Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. 2012. Quyết định số 1701/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương, ngày 26/06/2012, về việc *Phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng Đô thị Bình Dương đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*.
34. Võ Kim Cương. 2013. *Chính sách đô thị: Tầm nhìn bao quát và hệ thống của nhà quản lý đô thị*. Hà Nội: Nxb. Xây dựng.
35. WCED – World Commission on Environment and Development. 1987. *Our Common Future*. Oxford: University Press. Oxford.
36. World Bank. 2018. “Urban Development”. <http://www.worldbank.org/en/topic/urbandevelopment/overview>, ngày truy cập 20/7/2018.